

Bản án số: 22/2021/HNGĐ-ST

Ngày 13-8-2021

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Quân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Việt Long và bà Nguyễn Thị Hồng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Thanh Huyền - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Khắc Đạo- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 08 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị **Trần Thị T**, sinh năm 1990.

ĐKHKTT: thôn K, xã C, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: thôn t, xã Đ, huyện Tiên Lãng, TP Hải Phòng

**- Bị đơn:** Anh **Nguyễn Đức T**, sinh năm 1985;

ĐKHKTT: thôn K, xã C, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

**- Những người làm chứng:**

+ Bà Đào Thị P, sinh năm 1960;

Trú tại: thôn K, xã C, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

+ Bà Hoăng Thị N, sinh năm 1959;

Trú tại: thôn T, xã Đ, huyện Tiên Lãng, TP Hải Phòng

Chị T có mặt; anh T và những người làm chứng đều vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:**

+ Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đức T kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C ngày 23/02/2011. Sau khi kết hôn, chị và anh T sinh sống tại thôn K, xã C, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh

phúc đến năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, bên cạnh đó anh T không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình mà thường xuyên chơi bời, chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh T vẫn không thay đổi, tiếp tục chơi bời, về nhà chửi bới, đánh chị. Không thể chịu đựng được cuộc sống chung không có hạnh phúc, giáp tết nguyên đán năm 2020, chị đã đưa hai con ra Trạm y tế xã P ở tạm một thời gian và sau đó về nhà bố mẹ đẻ ở, thời gian ly thân, anh T có đến tìm chị, nhưng chị cương quyết không về, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

+ Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Quỳnh M, sinh ngày 09/12/2010, Nguyễn Thái B, sinh ngày 12/4/2018 và cháu Nguyễn Mai L, sinh ngày 13/8/2019. Cháu M có nguyện vọng ở cùng với chị, cháu L còn nhỏ chưa đủ 36 tháng tuổi. Vì vậy, chị xin được nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Quỳnh M và Nguyễn Mai L để anh T nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thái B, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị làm việc tại Trạm y tế xã P, mức thu nhập trung bình hàng tháng từ 04 đến 05 triệu đồng/tháng.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, bị đơn anh Nguyễn Đức T trình bày:*

+ Về thời gian và điều kiện kết hôn như chị T đã trình bày là đúng, sau khi kết hôn anh chị sống cùng bố mẹ anh một thời gian thì ra ở riêng. Vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến gần Tết Nguyên đán năm 2020 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, bất đồng quan điểm, do nóng tính nên anh có dùng bạo lực đánh và đuổi chị T, nên chị T đã đưa hai con ra Trạm y tế xã P ở tạm, sau đó anh có đến tìm và khuyên bảo để chị T về đoàn tụ, nhưng chị T cương quyết không về, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị T xin ly hôn, anh nhất trí ly hôn theo nguyện vọng của chị T.

+ Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung như chị T đã trình bày là đúng, các cháu tên là Nguyễn Quỳnh M, sinh ngày 09/12/2010, Nguyễn Thái B, sinh ngày 12/4/2018 và cháu Nguyễn Mai L, sinh ngày 13/8/2019. Lời khai ban đầu anh nhất trí giao cháu M và cháu L cho chị T nuôi dưỡng còn để anh nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thái B. Tuy nhiên, sau đó anh thay đổi quan điểm, anh xin được nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Thái B và Nguyễn Mai L để chị T nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quỳnh M, anh tự nguyện không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh làm nghề chăn nuôi tại nhà, mức thu nhập bình quân khoảng 10.000.000 đồng/tháng.

+ Về tài sản chung, nợ chung: anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Kết quả làm việc với bà Đào Thị P (mẹ đẻ anh T) xác định: Anh T và chị T được tự do tìm hiểu, tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn, anh chị về ở cùng với gia đình bà, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên

nhân cụ thể như thế nào bà không nắm được. Mặc dù hai bên gia đình đã động viên, khuyên giải nhưng anh chị vẫn không thay đổi. Đỉnh điểm là giáp Tết Nguyên đán 2020, hai vợ chồng cãi nhau, chị T đã đưa hai con là cháu M và cháu L ra ở tạm tại Trạm y tế xã P, sau đó về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nguyên vọng của những bậc làm cha mẹ ai cũng mong muốn các con mình hạnh phúc, tuy nhiên anh T, chị T đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể ở được với nhau, đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật. Anh T, chị T có 03 con chung như anh chị đã trình bày là đúng, hiện cháu M và cháu L đang ở với chị T, còn cháu B đang ở với anh T. Bà đề nghị Tòa án giao cháu M và cháu L cho chị T nuôi dưỡng để anh T nuôi cháu B, ông bà sẽ hỗ trợ anh T trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung với những điều kiện tốt nhất.

Bà Hoàng Thị N (mẹ đẻ chị T) trình bày: chị T, anh T qua thời gian tự do tìm hiểu tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo luật định. Sau khi kết hôn, anh T và chị T về ở cùng với gia đình nhà chồng, chị T đi học và đi làm tại Trạm y tế xã C, còn anh T làm nghề tự do. Quá trình chung sống anh chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt cũng như làm ăn phát triển kinh tế gia đình, vợ chồng thường xảy ra đánh cãi, chửi nhau. Mặc dù hai bên gia đình đã nhiều lần tham gia ý kiến, khuyên giải nhưng tình cảm giữa anh chị ấy vẫn không thay đổi. Đỉnh điểm là trước Tết Nguyên đán 2020, vợ chồng đánh nhau, chị T đã đưa hai con ra ở tạm tại Trạm y tế xã P, sau đó về nhà ông bà ở cho đến nay. Do anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể ở được với nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn để hai bên ổn định cuộc sống. Anh T, chị T có 03 con chung như anh chị đã trình bày là đúng, trường hợp chị T được nuôi dưỡng các con chung, ông bà nhất trí tạo điều kiện cho mẹ con chị T chỗ ăn ở đảm bảo sinh hoạt và hỗ trợ chị T trong việc chăm sóc con với những điều kiện tốt nhất.

Tòa án tiến hành làm việc với lãnh đạo UBND xã C, đại diện Hội phụ nữ, cán bộ lao động thương binh xã hội xã C và Trưởng thôn K, xã C đều được cung cấp: Anh T và chị T kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo luật định. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống tại địa phương, thời gian đầu hạnh phúc, nhưng mấy năm gần đây xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân cụ thể là gì thì địa phương không rõ, chỉ thấy vợ chồng hay xảy ra cãi vã, to tiếng, đánh nhau. Trước Tết Nguyên đán 2020, chị T đã đưa hai con ra ở tạm tại Trạm y tế xã P, vợ chồng cũng ly thân từ đó đến nay không đoàn tụ lần nào. Nay chị T xin ly hôn anh T, đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải cho anh chị ấy, trường hợp chị T vẫn cương quyết ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; Anh T, chị T có 03 con chung, cháu Nguyễn Quỳnh M và Nguyễn Mai L đang ở với chị T, cháu Nguyễn Thái B đang ở cùng anh T và ông bà nội. Do cháu M đã trên 7 tuổi nên đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của cháu, đối với cháu Nguyễn Mai L chưa đủ 36 tháng tuổi nên đề nghị giao cho mẹ nuôi dưỡng. Hiện anh T bị khuyết tật nhẹ dạng nhìn, làm lao động tự do nên địa phương không xác định được mức thu nhập hàng tháng của anh T là bao

hiều, mức thu nhập bình quân của người dân địa phương hiện nay là khoảng 200.000 đồng/ngày.

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh T và xin được nuôi dưỡng con chung như đã trình bày. Anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đức T; Về con chung: Giao cho chị Trần Thị T được nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Quỳnh M, sinh ngày 09/12/2010 và Nguyễn Mai L, sinh ngày 13/8/2019 và giao cho anh Nguyễn Đức T nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thái B, sinh ngày 12/4/2018 cho đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị T, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Chị T, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, vay nợ chung: chị T, anh T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Đức T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Đức T kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Tứ Kỳ ngày 23/02/2011 là hôn nhân hợp pháp.

[3] Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2020 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Cả chị T và anh T đều thừa nhận và xác định: Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, mỗi người có một quan điểm trái ngược nhau. Ngoài ra, theo chị T trình bày, anh T là người mãi chơi, không tu chí làm ăn, chị có tham gia thì anh T quay ra chửi bới, xúc phạm, đánh đuổi chị. Cuối năm 2020, chị đã đưa hai con ra Trạm y tế xã P ở tạm và sau đó về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Lời khai của chị T phù hợp với biên bản làm việc giữa Tòa án với trưởng thôn và đại diện các đoàn thể xã C và đại diện gia đình anh T và chị T. Thực tế từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, anh T cũng không có giải pháp nào dàn xếp tình cảm để vợ chồng về đoàn tụ, quá trình làm việc với Tòa án anh T cũng xác định tình cảm vợ chồng

không còn, anh nhất trí ly hôn chị T. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị T được ly hôn với anh T là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Quỳnh M, sinh ngày 09/12/2010, Nguyễn Thái B, sinh ngày 12/4/2018 và cháu Nguyễn Mai L, sinh ngày 13/8/2019, hiện cháu M và cháu L đang ở với chị T, cháu Thái Bảo đang ở với anh T. Xét nguyện vọng xin nuôi con chung của chị T, anh T đều chính đáng, xuất phát từ tình cảm của cha mẹ đối với con. Tuy nhiên, để xem xét giao con cho ai nuôi dưỡng, cần xem xét một cách khách quan, toàn diện, tất cả vì lợi ích của con, Hội đồng xét xử thấy rằng: Cả chị T và anh T đều có việc làm và có thu nhập và đều được gia đình tạo điều kiện về chỗ ở để nuôi con và điều kiện nuôi con là như nhau. Đối với cháu M đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng xin được ở với mẹ, anh T cũng nhất trí để chị T nuôi cháu M, anh T nuôi cháu B. Đối với cháu Nguyễn Mai L, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình quy định: *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”*. Hiện cháu L mới được gần hai tuổi, vẫn còn nhỏ và cần sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn. Bố mẹ chị T cũng cam kết tạo điều kiện về chỗ ăn ở và hỗ trợ chị T trong việc nuôi con với những điều kiện tốt nhất, đại diện lãnh đạo UBND xã C và các đoàn thể địa phương cũng xác định do cháu L còn nhỏ đề nghị giao con chung cho chị T nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung, HĐXX giao cho chị T được nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Quỳnh M, sinh ngày 09/12/2010 và Nguyễn Mai L, sinh ngày 13/8/2019 và giao cho anh Nguyễn Đức T nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thái B, sinh ngày 12/4/2018 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị T, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Chị T, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị T và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị T khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ...án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Về hôn nhân:** Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đức T

**2. Về con chung:** Giao cho chị Trần Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung Nguyễn Quỳnh M, sinh ngày 09/12/2010 và Nguyễn Mai L, sinh ngày 13/8/2019 và giao cho anh Nguyễn Đức T nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thái B, sinh ngày 12/4/2018 cho đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị T, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Chị T, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

**3. Về án phí:** Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân gia đình) được đối trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0010097 ngày 17/5/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

**4. Về quyền kháng cáo:** Chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã C, huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Nguyễn Văn Quân**